TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày: 18/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Quang
Ông Vũ Ngọc Thanh
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST - HS ngày 24 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Minh T (Tên gọi khác: không), sinh ngày: 15/12/1978 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú và chỗ ở: Số D N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Minh K (sinh năm: 1949) và bà Lê Thị N (sinh năm: 1952); Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trương Thị N1; Có 02 con sinh năm 2002 và năm 2009; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm D - sinh năm 1976; Địa chỉ: 5 L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Võ Minh H - sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T1 - sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Lê Nho T2 - sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Hồ Xuân Q - sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Đặng Khánh L - sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Đinh Hoàng S - sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Huỳnh Tấn Q1 - sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- ông Huỳnh Đinh Quý H1 - sinh năm 1999; Địa chỉ: K107/1/2 Hoàng Thúc Trâm, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn N2 - sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phạm Văn H2 - sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn An Ngãi Tây, xã Hòa Sơn, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phan Văn L1 - sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Dương Phú H3 - sinh năm 1956; Địa chỉ: Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2024, Bùi Minh T nhận làm dịch vụ phá dỡ công trình nhà ở cho một số hộ dân trên địa bàn phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Để tiết kiệm chi phí, T đưa sà bần, giá hạ đổ không đúng nơi quy định mà chở về đổ trái phép tại cuối

đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Bãi đất này do Ban Q2 các công trình dân dụng và công nghiệp Đà Nẵng quản lý nhưng T tự ý chiếm dụng mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để tiếp nhận, lưu giữ, chôn lấp chất thải diện tích khoảng từ 400 - 500m2, độ sâu chôn lấp khoảng từ 01 đến 02m. Ngoài ra, Bùi Minh T còn cho các xe tải khác chở chất thải rắn thông thường (xà bần, giá hạ, vỏ chai nhựa, bao ni lông, mảnh gỗ…) vào đổ tại bãi đất này và thu tiền từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng mỗi lượt tùy theo khối lượng của xe. T nhờ Nguyễn Thị X là người nhặt ve chai tại bãi đất trống này, thu hộ đến cuối ngày đưa tiền lại cho T. Tổng số tiền T nhận được 3.500.000 đồng, T cho X từ 50.000 đồng - 100.000 đồng/1 ngày và dùng số tiền này đổ xăng xe múc để san lấp mặt bằng.

Từ ngày 01/7/2024 đến trước ngày 01/8/2024, Trung trực tiếp thực hiện 02 lần việc điều khiển xe múc san gạt rác thải, xà bần, giá hạ và phủ cát lên để che lại. Ngày 01/8/2024 T giao cho Trần Quang K1 điều khiển xe múc để san lấp tại khu đất này. Đến khoảng 10 giờ 00’ cùng ngày trong lúc K1 đang điều khiển xe múc để san gạt, chôn lấp chất thải thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Đ phát hiện, lập biên bản đưa về cơ quan Công an để làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/8/2024, Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cung cấp: Phạm vi khu đất cuối đường N bị đổ, chôn lấp chất thải được giới hạn bởi các mốc tọa độ cụ thể thuộc khu đất ký hiệu A3. 1 do Ban Q3 xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp Đ1 quản lý. Tính tới thời điểm xác minh, phạm vi khu đất này không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để tiếp nhận, lưu giữ, chôn lấp rác thải.

Tại Biên bản làm việc ngày 02/8/2024, Cơ quan điều tra phối hợp với Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, Trung tâm Quan trắc môi trường miền T và T, xác định tổng lượng chất thải là 114.780 kg. Bùi Minh T xác nhận toàn bộ khối lượng chất thải này do mình đổ, chôn lấp.

Ngày 02/8/2024, Cơ quan điều tra phối hợp với Trung tâm Q4 và T thuộc Cục K2 - Bộ T5 tiến hành lấy 08 mẫu chất thải trong khu vực đổ chất thải rồi gửi các mẫu ký hiệu DV1.1, DV2.1, DV3.1 trưng cầu V Bộ C giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số: 2837/QĐ-CSKT ngày 06/8/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

Tại Kết luận giám định số: 5999/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của V - Bộ C xác định: Các mẫu chất thải DV1.1, DV2.1, DV3.1 gửi giám định có giá trị các thành phần nguy hại so với ngưỡng chất thải nguy hại tại Bản G, Bảng 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 07:2009/BTNMT). Ngoài ra đều không tìm thấy các thành phần nguy hại hữu cơ khác được quy định tại Bảng 3, QCVN 07:2009/BTNMT. Do đó, các mẫu chất thải ký hiệu DV1.1, DV2.1, DV3.1 gửi giám định đều không phải là chất thải nguy hại. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các mẫu chất thải nêu trên đều là chất thải rắn thông thường.

Ngày 24/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có Quyết định số: 3381/QĐ-CSKT trưng cầu Trung tâm Q5 giám định khối lượng 05 xe tải 43H-037.27, 43H- 023.04, 43H-030.65, 43H-017.68, 43C-153.85 khi không chở chất thải; khối lượng của cả xe ô tô và chất thải đối với từng lượt cân (16 lượt); khối lượng chất thải được chở trên 05 xe ô tô tải của 16 lượt cân.

Ngày 30/9/2024, Trung tâm Q5 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ có Công văn số: 524/TTQTTNMT- QLHT, xác nhận: Khối lượng chất thải được chở trên 05 xe ô tô tải 43H-037.27, 43H-023.04, 43H-030.65, 43H-017.68, 43C-153.85 của 16 lượt cân là 114.780 kg.

Vật chứng tạm giữ: 114.780 kg chất thải rắn thông thường; 01 máy đào bánh lốp hiệu Solar 130w-111, màu cam, số khung SL 130w-1652, số động cơ DB58-300655; số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo Bùi Minh T đã nộp tiền khắc phục hậu quả là: 22.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 26/CT-VKS, ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Bùi Minh Trung về tội *"Gây ô nhiễm môi trường"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Minh T về tội *"Gây ô nhiễm môi trường"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm g khoản 1 Điều 235; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Minh T số tiền từ 150.0000.000 đồng đến 200.000.000 đồng về tội *"Gây ô nhiễm môi trường"*. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và

tịch thu tiền thu lợi bất chính 3.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước, quy trữ số tiền 22.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Minh T đã khai nhận: Từ ngày 05/5/2024 đến ngày 01/8/2024, tại bãi đất trống cuối đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, mặc dù không được các cơ quan chức năng cho phép nhưng Bùi Minh T tiến hành đổ và cho xe khác đổ chất thải rắn thông thường (xà bần, giá hạ, vỏ chai nhựa, bao ni lông, mảnh gỗ…) tại khu vực này, thu lời bất chính số tiền 3.500.000 đồng. Qua giám định xác định khối lượng 114.780 kg, là chất thải thông thường. Xét lời khai của bị cáo Bùi Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kết luận giám định. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Minh T đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội *"Gây ô nhiễm môi trường"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến Nhà nước về đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái trên tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Bùi Minh T thì thấy: Bị cáo Mùi Minh T3 mặc dù không được các cơ quan chức năng cho phép nhưng vẫn tiến hành đổ và cho xe khác đổ chất thải rắn thông thường, thu lời bất chính số tiền 3.500.000 đồng, qua giám định xác định khối lượng 114.780kg, đủ số lượng chất thải rắn thông thường đủ để cấu thành tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; lần phạm tội này là lần đầu của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiên trọng; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính số tiền 3.500.000 đồng; gia đình bị cáo có công cách mạng cha, mẹ của bị cáo đều là thương binh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo Bùi Minh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã phân tích nêu trên. Mặt khác đây là tội phạm liên quan đến việc quản lý môi trường, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 22.000.000 đồng để xử lý các chất thải rắn thông thường nêu trên; bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng về tài chính để thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính được quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật hình sự để sung công quỹ nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng là phù hợp, vừa mang tính ren đe, giáo dục, thể hiện tính nhân văn, khoan hồng trong việc xử lý người phạm tội.

[6] Về xử lý vật chứng:

Theo kết luật gián định khối lượng chất thải nguy hại thông thường ở thể rắn là: 114.780 kg. Hiện nay đang được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Biên bản làm việc ngày 03/8/2024 giữa Trung tâm Q5. Số lượng chất thải rắn này đã được giao lại cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu ngày 17/3/2025 để đảm bảo cho việc thi hành án. Xét thấy để đảm bảo cho việc bảo vệ môi trường Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự và

các cơ quan liên quan xử lý tịch thu, tiêu hủy. Chi phí cho việc tiêu hủy do bị cáo Bùi Minh T tự nguyện chịu như lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa.

Về thu lợi bất chính: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa chứng minh được bị cáo Bùi Minh Trung T4 lợi bất chính số tiền: 3.500.000 đồng, bị cáo đã nộp 3.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 máy đào bánh lốp hiệu Solar 130w-111, màu cam, số khung SL 130w-1652, số động cơ DB58-300655 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử lý vật chứng số: 144/QĐ-ĐTTH ngày 16/01/2025 trả lại 01 xe máy đào nêu trên cho anh Phan Văn L1 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Những vấn đề khác trong vụ án:

Khu vực mà bị can Bùi Minh T đổ, cho xe khác đổ rác thải thông thường (xà bần, giá hạ) là của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Đ1 quản lý và sử dụng diện tích đất này. Việc Bùi Minh T đổ xà bần, giá hạ tại khu vực này thì Ban quản lý không biết, Ủy ban nhân dân phường H cũng không biết và không cấp phép cho T thực hiện. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với Nguyễn Thị X và Trần Quang K1 là người làm thuê cho Bùi Minh T và được T trả tiền công. Quá trình điều tra xác định K1 và X không biết được hành vi phạm tội của T. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không để cập giải quyết.

Đối với những người chở tải chở chất thải rắn có đưa tiền bồi dưỡng cho Nguyễn Thị X. Quá trình điều tra xác định những người này đưa tiền hoàn toàn tự nguyện và không biết được việc đổ chất thải tại bãi đất trống này là vi phạm pháp luật. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Minh T phạm tội *"Gây ô nhiễm môi trường"*.

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo: Bùi Minh T số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 114.780 kg chất thải rắn thông thường. Chi phí cho việc tiêu hủy do bị cáo Bùi Minh T chịu. Cơ quan thi hành án: Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phối hợp với Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, quận L, thành phố Đà Nẵng và Trung tâm Q5 phối hợp tiêu hủy.

(Tang vật, tiền nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17.3.2025).

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền: 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng),* do bị cáo Bùi Minh T nộp theo số: 0001830 ngày 27/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tiếp tục quy trữ số tiền 22.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án (theo biên lai thu tiền số: 0001971 ngày 17/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:
- *Viện KSND Q. Liên Chiểu;*
- *Viện KSND TP. Đà Nẵng;*
- *Công an Q. Liên Chiểu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CATPĐN;
- Chi cục THADS Q . Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ;

Phạm Thanh Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**